

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CỬA LÒ  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 28/04/2020

( *V/v kiện xin ly hôn* )

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Lĩnh Thái
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Văn Thanh  
Ông Nguyễn Văn Mạnh
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Trần Trọng Nghĩa - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Cửa Lò.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò: Bà Phan Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 28/04/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 108/2019/TLST - HNGĐ ngày 26/12/2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/04/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1966 (có mặt)
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 (có mặt)

Đều trú tại: Khối LH, phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai, nguyên đơn là ông Hoàng Đức T trình bày:* Ông và bà T cưới nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống chung tại khối LH, phường Nghi Hòa, thị xã cửa Lò. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống không hợp nên hai vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay. Vì nghĩ đến cuộc sống của các con nên hai vợ chồng vẫn duy trì quan hệ cho đến bây giờ. Nay

không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn

- Về con chung: ông và bà T có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 13/12/1992, cháu Hoàng Đức V, sinh 13/12/1995 và cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 28/09/1997. Nay các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông và bà T tạo lập được một số tài sản gồm: Thửa đất số 254, tờ bản đồ 25 tại phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò; thửa số 427, tờ bản đồ 06 tại phường Nghi Hòa, thị xã cửa Lò; thửa số 200, tờ bản đồ 16 tại khối Tân Quang, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò; Thửa đất số 30, diện tích 259,3m<sup>2</sup> tại khối LH, phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò và tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 03 tầng, 01 nhà cấp 4, 01 Ki ốt. Tất cả các thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và bà T. Nếu ly hôn ông đề nghị chia đôi thửa đất số 30, diện tích 259,3m<sup>2</sup> tại khối LH, phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò và tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 03 tầng, 01 nhà cấp 4, 01 Ki ốt. Ông chỉ nhận phần đất có ngôi nhà cấp 4, còn các tài sản khác giao cho bà T và các con. Tuy nhiên ngày 20/02/2020 ông và bà T đã thỏa thuận được việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng nên ông có đơn rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản nữa.

- Về khoản nợ: ông và bà T không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng.

\* *Tại các bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà thống nhất với ông T về thời gian sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên theo bà thì vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý.

- Về con chung: Bà đồng ý với ý kiến của ông T về việc hai vợ chồng có ba con chung là cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 13/12/1992, cháu Hoàng Đức V, sinh 13/12/1995 và cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 28/09/1997. Nay các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Bà cũng thống nhất với lời trình bày của ông T về số tài sản vợ chồng tạo lập. Tuy nhiên quá trình giải quyết bà và ông T đã thỏa thuận giải quyết xong. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T rút và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản bà hoàn toàn nhất trí.

- Về khoản nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và HĐXX trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thời hạn, không có vi phạm gì; Việc xét xử tại phiên tòa đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung. Không công nhận vợ chồng giữa ông T và bà T; về con chung, nợ chung không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Vụ án thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại khối LH, phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, do đó Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò thụ lý và giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[ 2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Hoàng Đức T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà Nguyễn Thị T. Căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, biên bản xác minh tại UBND phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, Nghệ An và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay thì có cơ sở để khẳng định ông T và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Từ năm 1992 đến nay cũng chưa lần nào lên cấp có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Đức T và bà Nguyễn Thị T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông T và bà T có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 13/12/1992, cháu Hoàng Đức V, sinh 13/12/1995 và cháu

Hoàng Đức T, sinh ngày 28/09/1997. Nay các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Hoàng Đức T và bà Nguyễn Thị T đã thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung của vợ chồng nên đã có đơn rút một phần yêu cầu về tài sản. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện, do đó căn cứ khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.4] Về nợ: Ông T, bà T không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Ông Hoàng Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000227 ngày 25/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho ông Hoàng Đức T 10.965.000đồng.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xứ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Hoàng Đức T và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Đức T về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Hoàng Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000227 ngày 25/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho ông Hoàng Đức T 10.965.000đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- CQ THA thị xã Cửa Lò
- UBND phường Nghi Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Lĩnh Thái**